**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,**

**thực vật của thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/10-20/11/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/MYS/57 | ATTP, CT | Malaysia | 17/11/2023 | Đưa quy định mới, quy định 38B liên quan đến axit béo chuyển hóa, vào quy định thực phẩm 1985 (P.U.(A) 437/1985). | Đề xuất sửa đổi quy định thực phẩm 1985 (P.U.(A) 437/1985) liên quan đến việc đưa vào một quy định mới, quy định 38B, quy định hàm lượng axit béo chuyển hóa tối đa được phép có trong thực phẩm để bán ở Malaysia, đó là không quá 2g/100g chất béo trừ axit béo chuyển hóa có nguồn gốc động vật.  Hàm lượng axit béo chuyển hóa tối đa được đề xuất được thiết lập dựa trên khuyến nghị của WHO và các quy định của các quốc gia khác, ví dụ như Liên minh châu Âu và Ấn Độ. |
| 2 | G/SPS/N/USA/3431 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 16/11/2023 | Gia hạn dung sai cho các trường hợp miễn trừ khẩn cấp; Nhiều hóa chất. Quy tắc cuối cùng | Quy định này mở rộng dung sai có giới hạn về thời gian đối với dư lượng của clothianidin, kasugamycin, methyl bromide và triclopyr trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. Ngoài ra, Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) đang loại bỏ giới hạn thời gian cho phép đối với dư lượng flupyradifurone trong hoặc trên các mặt hàng mía đường và lúa miến ngọt. |
| 3 | G/SPS/N/USA/3203 /Add.2/Corr.1 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Hoa Kỳ | 16/11/2023 | Yêu cầu về hồ sơ truy xuất nguồn gốc bổ sung đối với một số loại thực phẩm; Quy tắc cuối cùng; Sửa đổi kỹ thuật | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đang sửa đổi quy tắc cuối cùng về các yêu cầu đối với hồ sơ truy xuất nguồn gốc bổ sung đối với một số loại thực phẩm được công bố trong Cơ quan Đăng ký Liên bang vào ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quy tắc cuối cùng được công bố có một số lỗi biên tập và những lỗi vô ý. Tài liệu này sửa những lỗi đó có hiệu lực từ ngày 26 tháng 9 năm 2023. |
| 4 | G/SPS/N/NZL/755 | BVTV | Niu Di-lân | 16/11/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với ngũ cốc và hạt giống để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. | Bộ Các ngành công nghiệp cơ bản Niu Di-lân (MPI) đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu đối với ngũ cốc và hạt giống để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Việc sửa đổi bao gồm: loại bỏ các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với các mầm bệnh nấm sau đây đối với hạt cây gai dầu đã tách vỏ nhập khẩu:  a) *Curvularia cymbopogonis;*  *b) Leptosphaeria woroninii*;  c) Cần sa *Septoria*. |
| 5 | G/SPS/N/GBR/30 /Add.3 | BVTV | Vương quốc Anh | 16/11/2023 | Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới kiểm soát thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác của Vương quốc Anh | G/SPS/N/GBR/30/Add.2 ngày 30 tháng 8 năm 2023 đã thông báo về việc xuất bản 'Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới' (BTOM) cuối cùng. Hiện đã có thêm thông tin chi tiết về việc áp dụng nhận dạng tài liệu và dựa trên rủi ro cũng như kiểm tra thực tế đối với các thực vật và sản phẩm thực vật có nguy cơ trung bình từ Liên minh châu Âu, Liechtenstein và Thụy Sĩ. |
| 6 | G/SPS/N/EU/695 | ATTP, TY | Linh minh châu Âu | 16/11/2023 | Dự thảo Ủy ban thực hiện quy định sửa đổi quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất natri salicylate về giới hạn dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | Thiết lập MRL natri salicylate ở gia cầm, ngoại trừ gà tây. |
| 7 | G/SPS/N/EU/694 | BVTV | Linh minh châu Âu | 16/11/2023 | Sửa đổi quy định (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến các chương trình khảo sát nhiều năm, các thông báo liên quan đến sự hiện diện của các loài gây hại thuộc diện điều chỉnh không thuộc diện kiểm dịch, tạm thời vi phạm lệnh cấm nhập khẩu và các yêu cầu nhập khẩu đặc biệt và thiết lập các thủ tục để cấp chúng, yêu cầu tạm nhập khẩu đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác có nguy cơ cao, thiết lập thủ tục liệt kê các thực vật có nguy cơ cao, nội dung của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, việc sử dụng hộ chiếu thực vật và liên quan đến các yêu cầu báo cáo nhất định đối với các khu vực được phân giới và các cuộc điều tra về dịch hại | Đề xuất của Ủy ban bao gồm các sửa đổi có mục tiêu trong quy định về sức khỏe thực vật: (i) làm rõ liên quan đến các biện pháp chống lại các loài dịch hại tạm thời nhưng chưa được đánh giá đầy đủ; (ii) sửa đổi các yêu cầu liên quan đến công bố trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các loài gây hại thuộc diện điều chỉnh không thuộc diện kiểm dịch (RNQP); (iii) báo cáo những trường hợp không tuân thủ các quy định RNQP trong hệ thống thông báo điện tử (Hệ thống quản lý thông tin để kiểm soát chính thức – IMSOC); (iv) việc trao quyền cho Ủy ban một đạo luật được áp dụng với các đạo luật tự chủ, trái luật tạm thời các lệnh cấm nhập khẩu và các yêu cầu nhập khẩu đặc biệt cũng như các yêu cầu nhập khẩu đặc biệt tạm thời đối với các hàng hóa đã được loại bỏ khỏi danh sách thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác có nguy cơ cao nhưng không được áp dụng nguy cơ dịch hại chưa được đánh giá đầy đủ; (v) việc trao quyền cho một đạo luật của Ủy ban nhằm thông qua các quy tắc thủ tục để đệ trình và kiểm tra các yêu cầu của nước thứ ba về việc tạm thời vi phạm các lệnh cấm nhập khẩu hoặc các yêu cầu nhập khẩu; (vi) việc trao quyền cho một đạo luật được ủy quyền áp dụng các thủ tục xác định và liệt kê các nhà máy có nguy cơ cao; (vii) làm rõ cơ sở pháp lý để đặt ra các yêu cầu về tính tương đương của các nước thứ ba, nhằm đề cập không chỉ đến các yêu cầu, chuyển động nội bộ mà còn cả các yêu cầu nhập khẩu hiện có; (viii) đưa ra việc trao quyền cho một đạo luật của Ủy ban, để hợp lý hóa nghĩa vụ gắn hộ chiếu thực vật cho một số thực vật nhất định; (ix) sự phù hợp về khả năng chấp nhận các chứng thực chính thức thay thế do các nước thứ ba ban hành với tình hình quốc tế; (x) hợp lý hóa các nghĩa vụ báo cáo nhất định |
| 8 | G/SPS/N/AUS/580 | TY | Úc | 16/11/2023 | Điều kiện nhập khẩu trứng nguyên quả, lòng đỏ và bột lòng trắng trứng vào Úc - Báo cáo cuối cùng | Úc đã tiến hành đánh giá chính sách về các điều kiện nhập khẩu của Úc đối với trứng nguyên quả, lòng đỏ trứng và bột lòng trắng trứng. Báo cáo khuyến nghị bổ sung các yêu cầu xử lý nhiệt mới thấp hơn yêu cầu xử lý nhiệt hiện tại và gần với các thông lệ tiêu chuẩn của ngành như một lựa chọn thay thế cho các yêu cầu xử lý nhiệt hiện có. Các điều kiện mới đảm bảo tính liên tục của thương mại và quản lý các rủi ro về an toàn sinh học để đáp ứng mức độ bảo vệ thích hợp của Úc. |
| 9 | G/SPS/N/TPKM/621 | BVTV, ATTP, CLCB, TY, CT | Đài Loan | 13/11/2023 | Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất gây ô nhiễm và chất độc trong thực phẩm. | Để thiết lập mức tối đa (ML) cho kim loại trong thực phẩm. |
| 10 | G/SPS/N/CHL/773 | TY | Chile | 13/11/2023 | Các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập phôi bò đông lạnh vào Chile và việc bãi bỏ các Nghị quyết đã nêu | Văn bản thông báo thiết lập các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu vào Chile phôi bò đông lạnh được sản xuất *in vivo* hoặc trong ống nghiệm và bãi bỏ các Nghị quyết miễn trừ số 1.688 năm 1992, số 1.465 năm 1995 và số 1.720 năm 1995, trong đó thiết lập các yêu cầu vệ sinh cho nhập khẩu phôi bò vào Chile.  Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trong tài liệu đính kèm thông báo này. |
| 11 | G/SPS/N/COL/345 /Add.1 | CLCB, TY | Colombia | 10/11/2023 | Dự thảo Nghị quyết của Viện Nông nghiệp Colombia (ICA) về các yêu cầu đăng ký với ICA đối với các cơ sở sản xuất thủy sản để làm giống hoặc tiêu dùng cho người để xuất khẩu | Mục đích của dự thảo Nghị quyết này là thiết lập các yêu cầu đăng ký với ICA đối với các cơ sở sản xuất thủy sản để làm giống hoặc tiêu dùng cho người để xuất khẩu.  Phạm vi: Áp dụng cho tất cả các thể nhân hoặc pháp nhân tham gia vào việc sản xuất động vật thủy sản để làm giống hoặc tiêu dùng cho con người để xuất khẩu trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.  Điều khoản bổ sung: Các loài thủy sản cảnh xuất khẩu không thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này. |
| 12 | G/SPS/N/BGD/7 | BVTV, ATTP, CLCB, TY, CT | Bangladesh | 10/11/2023 | Dự thảo quy định về an toàn thực phẩm (Xác định và kiểm soát chất gây ô nhiễm vi sinh vật), 2023 | Dự thảo quy định về xác định và kiểm soát các chất gây ô nhiễm vi sinh vật mô tả giới hạn tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm khác nhau cùng với một số quy định chung về mức độ cho phép của các chất gây ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, việc sử dụng các thông số kỹ thuật và hạn chế, các giai đoạn áp dụng tiêu chí vi sinh, hướng dẫn chung về lấy mẫu, xét nghiệm mẫu thực phẩm, kế hoạch lấy mẫu và diễn giải. Các quy định này bao gồm 9 thủ tục, trong đó thủ tục từ 1 đến 8 bao gồm tên thực phẩm, tên khoa học của vi sinh vật, số lượng mẫu thực phẩm, số lượng mẫu được chấp nhận dựa trên sự hiện diện hoặc mức độ của vi sinh vật, mức độ chấp nhận được của vi sinh vật cụ thể có trong mẫu và phương pháp thử để xác định sự hiện diện hoặc mức độ dung nạp của vi sinh vật cụ thể trong thịt và các sản phẩm thịt, rau quả và các sản phẩm từ chúng, gia vị và thảo mộc, trứng và các sản phẩm trứng, thực phẩm ăn liền, cá và các sản phẩm thủy sản, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước uống tương ứng. Ngoài ra, thủ tục thứ 9 mô tả các phương pháp kiểm tra tham khảo. |
| 13 | G/SPS/N/USA/3430 | CT, ATTP | Hoa Kỳ | 09/11/2023 | Thu hồi giấy phép sử dụng dầu thực vật có brom trong thực phẩm; Quy tắc đề xuất | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đang đề xuất sửa đổi các quy định nhằm thu hồi giấy phép sử dụng dầu thực vật brom (BVO) trong thực phẩm. Hành động này được thực hiện vì không còn sự chắc chắn hợp lý rằng việc tiếp tục sử dụng BVO trong thực phẩm là không có hại. Cụ thể, quy định được đề xuất sẽ thu hồi giấy phép sử dụng BVO làm thành phần thực phẩm nhằm ổn định dầu tạo hương liệu trong đồ uống có hương vị trái cây. Không có sự cho phép đối với các mục đích sử dụng BVO khác trong thực phẩm. |
| 14 | G/SPS/N/TPKM/620 | TY | Đài Loan | 09/11/2023 | Dự thảo sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu chó, mèo” liên quan đến Điều 8 (Phụ lục 6) của “Quy định nhập khẩu đối tượng phải kiểm dịch động vật”. | Việc cách ly 7 ngày sau nhập cảnh đối với chó/mèo từ một quốc gia (vùng) không được công nhận là không mắc bệnh dại vẫn được duy trì. Tuy nhiên, tại dự thảo sửa đổi, biện pháp này có thể được miễn trừ khi thời gian chờ từ ngày lấy mẫu máu xét nghiệm kháng thể bệnh dại đến ngày xuất khẩu được kéo dài từ 90 ngày lên 180 ngày và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:  1. Người nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kiểm dịch nhập khẩu ít nhất 120 ngày trước khi nhập cảnh; hoặc  2. Báo cáo thử nghiệm được công nhận bởi bác sĩ thú y của cơ quan kiểm dịch động vật nước xuất khẩu (có xác nhận, tờ khai kết quả thử nghiệm, v.v…); hoặc  3. Báo cáo thử nghiệm được phòng thí nghiệm tham chiếu hoặc phòng thí nghiệm được chỉ định gửi trực tiếp đến cơ quan kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu đóng tại cảng nhập cảnh (thư, email, fax, hiển thị trên trang web của cơ quan này, v.v…). |
| 15 | G/SPS/N/GBR/45 /Corr.1 | ATTP, BVTV | Vương quốc Anh | 08/11/2023 | Mức dư lượng tối đa GB (MRL) được đề xuất cho pencycuron sửa đổi sổ đăng ký theo luật định GB MRL | Ngày áp dụng và xuất bản sửa đổi: Ngày 06 tháng 3 năm 2024 - Ngày thực thi sửa đổi: ngày 06 tháng 9 năm 2024  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/GBR/23\_13375\_00\_e.pdf |
| 16 | G/SPS/N/CAN/1537 | ATTP | Canada | 08/11/2023 | Sửa đổi một số quy định liên quan đến phụ gia thực phẩm và tiêu chuẩn thành phần, tiêu chí vi sinh và phương pháp phân tích thực phẩm. | Các quy định được đề xuất sẽ sửa đổi Phần B của quy định về thực phẩm và dược phẩm (FDR), cùng với các sửa đổi có mục tiêu đối với Phần A và D của FDR. Đặc biệt, các sửa đổi được đề xuất bao gồm giới thiệu các khuôn khổ hiện đại hóa để thiết lập và cập nhật các quy định về tiêu chuẩn thành phần thực phẩm, tiêu chí vi sinh và phương pháp phân tích, cũng như tiếp tục hiện đại hóa khuôn khổ phụ gia thực phẩm được khởi xướng vào năm 2012. Các sửa đổi sau đó cũng sẽ phải tuân thủ một số quy định theo Đạo luật Cần sa, Đạo luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2001, Đạo luật sản phẩm kiểm soát dịch hại và Đạo luật an toàn thực phẩm cho Người Canada. |
| 17 | G/SPS/N/EU/692 | TY, CN | Linh minh châu Âu | 07/11/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1709 ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc cấp phép chế phẩm *Lentilactobacillus diolivorans* DSM 33625 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1709 cho phép Lentilactobacillus diolivorans DSM 33625 làm phụ gia thức ăn thuộc danh mục phụ gia “phụ gia công nghệ” và thuộc nhóm chức năng “phụ gia ủ chua”, dành cho tất cả các loài động vật. |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2226 | TY | Bra-xin | 07/11/2023 | Sắc lệnh SDA/MAPA số 909, ngày 18 tháng 10 năm 2023. Đệ trình tham vấn cộng đồng trong thời hạn 75 (bảy mươi lăm) ngày, dự thảo Pháp lệnh phê duyệt các hướng dẫn của chương trình quốc gia về bệnh não thể xốp ở bò để áp dụng biện pháp phòng ngừa chính thức và các biện pháp giám sát và duy trì việc phân loại nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò ở mức không đáng kể trong nước | Đã đệ trình tham vấn cộng đồng, dự thảo Pháp lệnh phê duyệt các hướng dẫn của chương trình bệnh não xốp ở bò quốc gia để áp dụng các biện pháp phòng ngừa và giám sát chính thức cũng như duy trì phân loại nguy cơ không đáng kể về bệnh não xốp ở bò trong nước. |
| 19 | G/SPS/N/BRA/2224 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 07/11/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1215, ngày 26 tháng 10 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất những thay đổi chuyên khảo về danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 20 | G/SPS/N/USA/690 /Add.13 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Hoa Kỳ | 06/11/2023 | Thông báo trước: Thêm yêu cầu gửi số theo dõi qua thư đối với các mặt hàng thực phẩm đến qua đường bưu điện quốc tế và khung thời gian cho việc gửi sau từ chối và sau khi giữ lại; Quy tắc đề xuất | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đang đề xuất sửa đổi các quy định về thông bổ sung yêu cầu rằng thông báo trước đối với các mặt hàng thực phẩm được gửi bằng đường bưu điện quốc tế phải bao gồm tên dịch vụ thư và số theo dõi thư và thêm yêu cầu rằng thông báo trước và thông tin đăng ký cơ sở thực phẩm phải được gửi trong một khung thời gian nhất định, sau khi một số thông báo từ chối hoặc giữ lại đã được ban hành ("gửi sau từ chối" và "sau khi giữ"). Chúng tôi cũng đề xuất một số thay đổi kỹ thuật nhất định, bao gồm những thay đổi phản ánh khả năng mở rộng của giao diện môi giới tự động/Môi trường thương mại tự động/Hệ thống dữ liệu thương mại quốc tế (ABI/ACE/ITDS) và giao diện hệ thống thông báo trước (PNSI). Những sửa đổi này, nếu được hoàn thiện, sẽ cải thiện hiệu quả của chương trình và giúp FDA bảo vệ nguồn cung cấp thực phẩm và sức khỏe cộng đồng của Hoa Kỳ tốt hơn.  https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-11-01/pdf/2023-24086.pdf  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23\_13314\_00\_e.pdf |
| 21 | G/SPS/N/NZL/754 | ATTP, CT | Niu Di-lân | 06/11/2023 | Báo cáo phê duyệt cho A1268 – Steviol glycoside được sản xuất bằng chuyển đổi sinh học bằng cách sử dụng enzyme mới do GM *Escherichia coli* sản xuất và tài liệu hỗ trợ 1 đánh giá rủi ro và an toàn | FSANZ đã phê duyệt các sửa đổi đối với Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân (Bộ luật) để cho phép phương pháp chuyển đổi sinh học để sản xuất các steviol glycoside cụ thể, rebaudioside M và rebaudioside I. Việc sử dụng ba loại enzyme biến đổi gen làm chất hỗ trợ chế biến được cho phép cho mục đích cụ thể này. Phương pháp sản xuất chuyển đổi sinh học phù hợp với tiêu chuẩn Codex. Các enzyme được sử dụng và nguồn của chúng rất giống nhau nhưng không giống với các enzyme được liệt kê trong thông số kỹ thuật của Ủy ban chuyên gia chung của FAO/WHO về phụ gia thực phẩm (JECFA) đối với steviol glycoside, là (Khung cho) Steviol Glycosides. |
| 22 | G/SPS/N/EU/693 | CN, TY | Linh minh châu Âu | 06/11/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1455 ngày 13 tháng 7 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép tạm thời khẩn cấp coban(II) axetat tetrahydrat, coban(II) cacbonat, coban(II) cacbonat hydroxit (2:3) monohydrat và coban(II) sunfat , heptahydrate làm chất phụ gia thức ăn cho động vật nhai lại có dạ cỏ, họ ngựa và loài thỏ | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1455 liên quan đến việc cấp phép khẩn cấp và tạm thời cho coban(II) axetat tetrahydrat, coban(II) cacbonat, coban(II) cacbonat hydroxit (2:3) monohydrat và coban(II) sunfat, heptahydrat, là chất phụ gia thức ăn thuộc danh mục phụ gia “phụ gia dinh dưỡng” và nhóm chức năng “hợp chất của các nguyên tố vi lượng”, dành cho động vật nhai lại có dạ cỏ, họ ngựa và loài thỏ. |
| 23 | G/SPS/N/AUS/579 | ATTP | Úc | 06/11/2023 | Báo cáo phê duyệt A1268 – Steviol glycoside được sản xuất bằng chuyển hóa sinh học sử dụng enzyme mới do GM Escherichia coli sản xuất; Tài liệu hỗ trợ 1 Đánh giá rủi ro và kỹ thuật - Ứng dụng A1268 Steviol glycoside được sản xuất bằng chuyển đổi sinh học sử dụng enzyme mới do GM *Escherichia coli* sản xuất. | FSANZ đã phê duyệt các sửa đổi đối với Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân (Bộ luật) để cho phép phương pháp chuyển đổi sinh học để sản xuất các steviol glycoside cụ thể, rebaudioside M và rebaudioside I. Việc sử dụng ba loại enzyme biến đổi gen làm chất hỗ trợ chế biến được cho phép cho mục đích cụ thể này. Phương pháp sản xuất chuyển đổi sinh học phù hợp với tiêu chuẩn Codex. Các enzyme được sử dụng và nguồn của chúng rất giống nhau nhưng không giống với các enzyme được liệt kê trong thông số kỹ thuật của Ủy ban chuyên gia chung của FAO/WHO về phụ gia thực phẩm (JECFA) đối với steviol glycoside, là (Khung cho) Steviol Glycosides |
| 24 | G/SPS/N/NZL/752 | BVTV | Niu Di-lân | 03/11/2023 | Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu: Ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn hoặc chế biến | Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản Niu Di-lân (MPI) được sửa đổi để sửa đổi tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu đối với ngũ cốc và hạt dùng để tiêu dùng, làm thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Những thay đổi được đề xuất đối với tiêu chuẩn y tế nhập khẩu là:  1. Yêu cầu hạt ngô nhập khẩu vào Niu Di-lân phải được sấy khô đến độ ẩm từ 14% trở xuống trước khi xuất khẩu.  2. Loại bỏ 11 tác nhân gây bệnh khỏi danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh đối với ngô |
| 25 | G/SPS/N/NZL/751 | BVTV | Niu Di-lân | 03/11/2023 | Các sửa đổi đối với tiêu chuẩn sức khoẻ cây trồng nhập khẩu của cây Kiwi | Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản Niu Di-lân (MPI) đang đề xuất những thay đổi sau đây đối với tiêu chuẩn sức khỏe cây trồng nhập khẩu của cây Kiwi |
| 26 | G/SPS/N/USA/3429 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 02/11/2023 | Biên nhận một số đơn kiến nghị về thuốc trừ sâu được nộp về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn kiến nghị và yêu cầu lấy ý kiến | Văn bản này thông báo cơ quan đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị ban đầu về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau |
| 27 | G/SPS/N/COL/350 | BVTV | Colombia | 02/11/2023 | (Dự thảo Nghị quyết thông qua Kế hoạch quốc gia phòng chống, giám sát và kiểm soát *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense tropical race 4* (Foc TR4) (còn gọi là *Fusariumodoratissimum*) trên toàn lãnh thổ quốc gia | Kế hoạch quốc gia về phòng ngừa, giám sát và kiểm soát Fusarium oxysporum f. sp. *cubense tropical race 4* (Foc TR4) (còn gọi là F*usariumodoratissimum*) trên toàn lãnh thổ quốc gia |
| 28 | G/SPS/N/UGA/290 | BVTV | Uganda | 01/11/2023 | DUS 983:2021, Bột chuối (matooke) - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột chuối (matooke) EAH dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 29 | G/SPS/N/UGA/289 | BVTV | Uganda | 01/11/2023 | DUS 998:2021, Chuối mễ (gonja) - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu đối với chuối mễ (gonja) (bộ gen AAB) được trồng từ loài Musa spp. (AAA-B) và họ Musaceae |
| 30 | G/SPS/N/UGA/288 | BVTV | Uganda | 01/11/2023 | DUS 997:2021, Nấu chuối (matooke) - Đặc tính kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu đối với việc nấu chuối (matooke) được trồng từ loài Musa spp. (AAA-EAH) và họ Musaceae được cung cấp ở dạng thô cho người tiêu dùng |
| 31 | G/SPS/N/UGA/287 | CBCL | Uganda | 01/11/2023 | DUS DARS 1110-1, Cá mòi nhỏ khô và cá mòi biển khơi ‘sardinetype pelagic fish’ - Phần 1: Nước ngọt, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm đối với cá mòi nước ngọt nhỏ khô và cá khơi xa-loại cá mòi thuộc các loài: Rastrineobola argentea, Rastrineobola sardella, Stolothrissa tanganicae, Limnothrissa miodon, Poecilothrissa moeruensis và Engraulicypris bangweuluensis. |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2223 | BVTV | Bra-xin | 01/11/2023 | Dự thảo. Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu *Salem limonium* spp. vật liệu nhân giống từ bất kỳ nguồn gốc nào | Dự thảo thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hoa *Salem limonium* spp. vật liệu nhân giống từ bất kỳ nguồn gốc nào |
| 33 | G/SPS/N/EU/691 | TY, CN | Linh minh châu Âu | 31/10/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1707 ngày 07 tháng 9 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép 2-acetylfuran và 2-pentylfuran làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Các chất được quy định trong Đạo luật đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong nhóm chức năng của các hợp chất tạo hương vị. Đơn đăng ký đã được nộp để cấp phép lại các chất này theo Điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Ngoài đánh giá tích cực của cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu, các chất này được cấp phép lại làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, trong những điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp cho phép để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu của giấy phép mới |
| 34 | G/SPS/N/EU/690 | CN, TY | Linh minh châu Âu | 31/10/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1708 ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc gia hạn cấp phép sử dụng urê làm phụ gia thức ăn cho động vật nhai lại có dạ cỏ chức năng và bãi bỏ Quy định thực hiện (EU) số 839/2012 | Chất được quy định trong Đạo luật này ban đầu được phép sử dụng trong thời hạn 10 năm dưới dạng phụ gia thức ăn cho động vật nhai lại có dạ cỏ. Đơn xin gia hạn giấy phép này đã được nộp. Ngoài đánh giá thuận lợi của Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu, việc cấp phép cho chất này được gia hạn với một số điều kiện nhất định. |
| 35 | G/SPS/N/EU/689 | CN, TY | Linh minh châu Âu | 31/10/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1704 ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc gia hạn cấp phép cho một chế phẩm Pediococcus pentosaceus DSM 23376 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định thực hiện (EU) số 1119/2012 | Chế phẩm được chỉ định cụ thể trong Đạo luật này ban đầu được cho phép làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật trong thời hạn 10 năm. Đơn xin gia hạn giấy phép này đã được nộp. Ngoài đánh giá thuận lợi của Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu, việc cấp phép cho chế phẩm này được gia hạn, tuân theo một số điều kiện nhất định |
| 36 | G/SPS/N/EU/688 | CN, TY | Linh minh châu Âu | 31/10/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1705 ngày 07 tháng 9 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép chế phẩm riboflavin (vitamin B2) do Bacillus subtilis CGMCC 13326 sản xuất làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1705 cho phép riboflavin (vitamin B2) do Bacillus subtilis CGMCC 13326 sản xuất dưới dạng phụ gia thức ăn thuộc danh mục phụ gia “phụ gia dinh dưỡng” và thuộc nhóm chức năng “vitamin, pro-vitamin và được xác định rõ về mặt hóa học” chất có tác dụng tương tự', đối với tất cả các loài động vật. |
| 37 | G/SPS/N/EU/687 | BVTV | Linh minh châu Âu | 31/10/2023 | Đề xuất Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về thực vật được được tạo ra bằng một số kỹ thuật gen mới cũng như thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, đồng thời sửa đổi Quy định (EU) 2017/625 | Vào ngày 5 tháng 7 năm 2023, Ủy ban Châu Âu đã thông qua đề xuất lập pháp về Quy định đối với thực vật được sản xuất bằng một số kỹ thuật gen mới (NGT) cũng như thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ chúng. Đề xuất này là một phần trong gói đề xuất nhằm đảm bảo việc sử dụng linh hoạt và bền vững tài nguyên thiên nhiên của EU.  Đề xuất này đặt ra các quy tắc cụ thể cho việc cố ý phóng thích vào môi trường vì bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc đưa ra thị trường các thực vật được tạo ra bằng phương pháp gây đột biến và tạo giống có chủ đích (bao gồm cả phương pháp xâm nhập nội sinh) và để đưa ra thị trường thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có chứa, bao gồm, hoặc được sản xuất từ những thực vật đó và các sản phẩm không phải là thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi có chứa hoặc bao gồm những thực vật đó ('thực vật và sản phẩm NGT'). Nó được hỗ trợ bởi đánh giá tác động và tính đến công trình khoa học từ Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, Trung tâm Nghiên cứu Chung của Ủy ban và các cơ quan khoa học khác (để biết thêm thông tin, hãy xem đánh giá tác động, phần 1.1. và Phụ lục 6).  **Mục tiêu của đề xuất là:**  1. Duy trì mức độ bảo vệ cao đối với sức khỏe con người, động vật và môi trường;  2. Cho phép phát triển và đưa ra thị trường các loại thực vật và sản phẩm thực vật góp phần vào các mục tiêu đổi mới và bền vững của Thỏa thuận xanh châu Âu cũng như các chiến lược từ trang trại đến bàn ăn và đa dạng sinh học;  3. Đảm bảo thị trường nội địa hoạt động hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông sản Liên minh ở cấp Liên minh và toàn cầu.  **Các biện pháp chính của đề xuất bao gồm:**  1. Đề xuất (trong Chương I) quy định việc cố ý đưa và đưa ra thị trường thực vật và sản phẩm NGT phải tuân theo một trong hai thủ tục: thủ tục xác minh để thiết lập tính tương đương với thực vật/sản phẩm thông thường hoặc cấp phép theo luật pháp của EU về GMO;  2. Chương II của đề xuất quy định một quy trình xác minh và các tiêu chí để xác minh xem thực vật/sản phẩm NGT thu được bằng phương pháp gây đột biến có chủ đích hoặc cisgenesis cũng có thể được thu được tự nhiên hay bằng kỹ thuật nhân giống thông thường hay không, dựa trên các tiêu chí đặt ra trong Phụ lục I (' thực vật NGT loại 1'). Thực vật/sản phẩm NGT loại 1 được miễn các yêu cầu của luật GMO và tuân theo các quy định về thực vật được nhân giống thông thường. Tính minh bạch được đảm bảo trong cơ sở dữ liệu công khai, thông qua việc ghi nhãn hạt giống và thông qua các sổ đăng ký liên quan về giống cây trồng;  3. Chương III của đề xuất áp dụng cho các thực vật/sản phẩm NGT không đáp ứng các tiêu chí để xem xét rằng chúng cũng có thể được thu được tự nhiên hoặc bằng cách nhân giống thông thường ('thực vật NGT loại 2'). Chúng vẫn phải tuân theo các quy định về GMO với các điều chỉnh liên quan đến đánh giá rủi ro, phương pháp phát hiện, giám sát và các yêu cầu đổi mới. Chúng phải tuân theo các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và ghi nhãn theo quy định về GMO, với khả năng được dán nhãn tự nguyện để chỉ ra mục đích của việc chỉnh sửa gen. Đề xuất này bao gồm các khuyến khích pháp lý đối với thực vật/sản phẩm NGT Loại 2 có các tính trạng có thể góp phần vào hiệu suất tổng thể của các giống liên quan đến tính bền vững (Phụ lục III của đề xuất);  4. Đề xuất quy định rằng thực vật/sản phẩm NGT bị cấm trong sản xuất hữu cơ;  5. Đề xuất này bao gồm các quy định về giám sát tác động kinh tế, môi trường và xã hội của các nhà máy và sản phẩm NGT, hỗ trợ các báo cáo thực hiện và đánh giá luật pháp trong tương lai. |
| 38 | G/SPS/N/CRI/253 | BVTV | Costa Rica | 31/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết nhằm thiết lập và sửa đổi các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với kiểm dịch ruồi đục quả trong các chuyến hàng trái cây tươi để tiêu có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào có ruồi đục quả | Costa Rica thông báo rằng "Dự thảo Nghị quyết nhằm thiết lập và sửa đổi các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với kiểm dịch ruồi đục quả trong việc các lô hàng trái cây tươi có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào cho biết ruồi giấm là loại trái cây kiểm dịch", được thông báo vào tháng 7. 14, 2023 thông qua tài liệu G/SPS/N/CRI/253, đã được sửa đổi. Sửa đổi này bao gồm việc loại bỏ một số yêu cầu kiểm dịch thực vật nhằm tạo thuận lợi cho thương mại, dẫn đến sửa đổi tiêu đề của nghị quyết theo Nghị quyết số 090-2023-NR-ARP-SFE, Cục Kiểm dịch Thực vật Tiểu bang, Cục của Tiêu chuẩn và Quy định, Đơn vị Phân tích Nguy cơ Dịch hại. Thiết lập các biện pháp giảm thiểu rủi ro thông qua các yêu cầu kiểm dịch thực vật để giảm thiểu rủi ro do ruồi đục quả, được thông qua vào ngày 19 tháng 9 năm 2023. |
| 39 | G/SPS/N/KOR/789 | ATTP | Hàn Quốc | 30/10/2023 | Đề xuất sửa đổi " phê duyệt các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời cho thực phẩm, v.v.". | "phê duyệt các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật tạm thời cho thực phẩm, v.v." đang được Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) sửa đổi như sau:  - Bổ sung quy trình phê duyệt đối với nguyên liệu thực phẩm dựa trên nuôi cấy tế bào. |
| 40 | G/SPS/N/EU/686 | ATTP, BVTV | Linh minh châu Âu | 30/10/2023 | Dự thảo sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với dithianon trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định | Dự thảo Quy định đề xuất liên quan đến việc xem xét MRL hiện có đối với dithianon trong một số mặt hàng thực phẩm. MRL của các chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống. MRL thấp hơn được đặt sau khi xóa quy định sử dụng cũ không còn được phép ở Liên minh Châu Âu. |
| 41 | G/SPS/N/BRA/2222 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1209, ngày 25 tháng 10 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B68 - bixlozone vào Danh sách chuyên khảo về hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 42 | G/SPS/N/BRA/2221 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1214, ngày 26 tháng 10 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B61 - Baculovirus Spodoptera littoralis vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 43 | G/SPS/N/BRA/2220 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1213, ngày 26 tháng 10 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B67- Brevibacillus Laterosporus vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 44 | G/SPS/N/BRA/2219 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1212, ngày 26 tháng 10 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất P75 - FLG22-BT peptide vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 45 | G/SPS/N/BRA/2218 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1211, ngày 26 tháng 10 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất F79 - folcisteine vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 46 | G/SPS/N/BRA/2108 /Add.2 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 30/10/2023 | Hướng dẫn quy phạm số 159, ngày 1 tháng 7 năm 2022 | Hướng dẫn quy phạm số 159, ngày 1 tháng 7 năm 2022 - được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2108 về thiết lập danh sách các bộ phận của các loài thực vật được phép dùng để pha trà và sử dụng làm gia vị, đã được thay đổi bởi Hướng dẫn quy phạm số . 262, ngày 26 tháng 10 năm 2023. |
| 47 | G/SPS/N/GBR/46 | ATTP, BVTV, TY | Vương quốc Anh | 26/10/2023 | Để xuất mức dư lượng tối đa GB (MRL) cho azoxystrobin, sửa đổi đăng ký MRL theo luật định GB | Azoxystrobin là một hoạt chất được phê duyệt ở GB. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đã nhận được đơn đăng ký thiết lập MRL mới cho xoài, quả cọ dầu và củ cải đường. Sau khi đánh giá, MRL mới đã được đưa ra để thiết lập dung sai.  Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ việc sử dụng dẫn đến mức phơi nhiễm của người tiêu dùng dưới mức giá trị tham chiếu độc hại và do đó không thể dự đoán được tác động có hại đối với sức khỏe con người. |
| 48 | G/SPS/N/GBR/45 | ATTP, BVTV, TY | Vương quốc Anh | 25/10/2023 | Để xuất mức dư lượng tối đa GB (MRL) cho pencycuron, sửa đổi đăng ký MRL theo luật định GB | Tài liệu dự thảo các MRL đề xuất cho pencycuron sau khi Cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe xem xét các MRL ở Vương quốc Anh (GB). Bản dự thảo dựa trên ý kiến do Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đưa ra về việc xem xét MRL, có sẵn tại liên kết sau: Đánh giá MRL (hse.gov.uk)  Hoạt chất pencycuron đã hết hạn được phê duyệt vào tháng 5 năm 2021. Chưa có đơn xin gia hạn phê duyệt.  Tất cả các MRL đang được hạ xuống giới hạn định lượng vì không thể loại trừ rủi ro gây ảnh hưởng có hại đến sức khỏe con người và do đó cần mức độ bảo vệ thích hợp. |
| 49 | G/SPS/N/GBR/39 /Add.1 | BVTV | Vương quốc Anh | 25/10/2023 | Chi tiết về sửa đổi của Anh, Scotland và xứ Wales (Anh) (Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/2072) | Thông báo G/SPS/N/GBR/39 ngày 27 tháng 7 năm 2023 đã cung cấp thông tin đề xuất cho các biện pháp kiểm soát dịch hại. Đã không bãi bỏ quy định về *Pseudomonas syringae* pv. Persicae như được nêu trong đoạn 1 của hộp 6 của thông báo đó. Hơn nữa, ngày công bố t được nêu trong G/SPS/N/GBR/39 giờ đây sẽ là ngày 26 tháng 10. Sẽ không có thay đổi nào đối với ngày có hiệu lực như thông báo ban đầu. |
| 50 | G/SPS/N/UKR/181 /Rev.1/Add.1 | BVTV, TY, CLCB | Ucraina | 25/10/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa" | Ucraina thông báo việc thông qua Lệnh số 1280 của Bộ Y tế Ucraina "Về phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa" vào ngày 15 tháng 7 năm 2023.  Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được công bố vào ngày 13 tháng 10 năm 2023.  Lệnh sẽ có hiệu lực vào ngày 13 tháng 4 năm 2024. |
| 51 | G/SPS/N/KOR/788 | ATTP, CLCB, TY | Hàn Quốc | 25/10/2023 | Đề xuất 'Quy định về khai báo và kiểm tra thực phẩm nhập khẩu, v.v. | Các sửa đổi được đề xuất nhằm mục đích:  A. Xây dựng quy định nhất quán bằng cách tích hợp các quy định được ban hành theo loại sản phẩm, chẳng hạn như 'Quy định về Kiểm tra Thực phẩm Nhập khẩu, v.v.', 'Quy định về Kiểm tra Thực phẩm chức năng nhập khẩu', 'Quy định về khai báo và kiểm tra Sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu' và 'Quy định về Kiểm tra sản phẩm thủy sản nhập khẩu'.  B. Hiểu rõ hơn về người tiêu dùng và các ngành bằng cách xây dựng quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu hợp lý và hiệu quả bằng cách tích hợp các hệ thống (tiêu đề·chi tiết các điều khoản, v.v.) thành một hệ thống nhất các quy định kiểm tra hải quan tổng thể đối với nhập khẩu: thực phẩm chức năng, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm... đồng thời làm rõ hệ thống kiểm tra bằng cách áp dụng các đặc tính riêng của từng loại sản phẩm và tổ chức các luật, quy định...  Chi tiết chính  - Tích hợp các quy định ban hành theo từng loại sản phẩm để khai báo, kiểm tra nhập khẩu.  a) Cần đưa ra các tiêu chuẩn thống nhất thông qua việc lồng ghép các quy định về khai báo, kiểm tra nhập khẩu mà hiện nay đang phân biệt với thực phẩm nhập khẩu..., thực phẩm chức năng, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản.  b) Mang lại sự thuận tiện cho người tiêu dùng và hiệu quả quản lý bằng cách xây dựng quy định tổng hợp về khai báo, kiểm tra nhập khẩu đối với thực phẩm nhập khẩu, v.v., thực phẩm chức năng y tế, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản. |
| 52 | G/SPS/N/CHN/1294 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia: Vật liệu và Sản phẩm Cao su Silicon dùng cho tiếp xúc với thực phẩm | Tiêu chuẩn này quy định phạm vi, thuật ngữ và định nghĩa, yêu cầu cơ bản, yêu cầu về nguyên liệu thô, yêu cầu về cảm quan, các chỉ tiêu vật lý và hóa học, các yêu cầu kỹ thuật khác, thử nghiệm thôi nhiễm và yêu cầu ghi nhãn đối với vật liệu cao su silicon và các sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm. |
| 53 | G/SPS/N/CHN/1293 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia: Yêu cầu chung về an toàn đối với vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm | Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ và định nghĩa, các yêu cầu cơ bản, nguyên tắc về sự phù hợp, phương pháp thử nghiệm, khả năng truy xuất nguồn gốc và thông tin sản phẩm đối với các vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm. Tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các loại vật liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm |
| 54 | G/SPS/N/CHN/1292 | CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Quy chuẩn vệ sinh phục vụ ăn uống trên tàu khách đường sắt | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu cơ bản và tiêu chí quản lý an toàn thực phẩm đối với địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị và nhân sự trong việc thu mua, nghiệm thu, bảo quản, phân phối, chế biến, toa ăn uống, dịch vụ và các mắt xích khác trong quy trình phục vụ suất ăn của tàu khách đường sắt. Tiêu chuẩn này áp dụng cho dịch vụ ăn uống trên tàu khách đường sắt. |
| 55 | G/SPS/N/CHN/1291 | ATTP, CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Phụ gia thực phẩm muối natri phức hợp đồng Chlorophyllin (Chlorophyllin copper complex sodium salts) | Tiêu chuẩn này áp dụng cho muối natri phức hợp đồng chlorophyllin phụ gia thực phẩm sử dụng folium mori, phân tằm hoặc cỏ (như cỏ đuôi trâu, linh lăng, cây tầm ma), rau bina, tảo xoắn và các loại thực vật khác làm nguyên liệu để chiết xuất diệp lục hoặc sử dụng trực tiếp diệp lục, sau đó xà phòng hóa và phản ứng thay thế đồng Các dung môi sau đây có thể được sử dụng để chiết xuất: axeton, diclometan, metanol, etanol, propan-2-ol, hexan, ete dầu mỏ (khoảng sôi là 90 ~ 120oC) và dung môi số 6. Quy định các yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm phương pháp tạo muối natri phức hợp đồng chlorophyllin phụ gia thực phẩm. |
| 56 | G/SPS/N/CHN/1290 | ATTP, CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Phụ gia thực phẩm Polydextroses. | Tiêu chuẩn này áp dụng cho các sản phẩm polyglucose được trộn với glucose, sorbitol, axit xitric hoặc axit photphoric theo tỷ lệ nhất định, được polyme hóa và tinh chế ở nhiệt độ cao và polydextrose phụ gia thực phẩm sau khi trung hòa và khử màu. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định đối với phụ gia thực phẩm polydextrose. |
| 57 | G/SPS/N/CHN/1289 | ATTP, CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Phụ gia thực phẩm Axit L-malic. | Tiêu chuẩn này áp dụng cho phụ gia thực phẩm axit L-malic được sản xuất bằng phương pháp kỹ thuật Enzyme và phương pháp lên men. Các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với axit L-malic |
| 58 | G/SPS/N/CHN/1288 | ATTP, TY | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm quốc gia: Sửa đổi Sữa tươi Số 1. | Sửa dổi giá trị axit của sữa bò nguyên liệu. |
| 59 | G/SPS/N/CHN/1287 | ATTP, TY | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Sữa biến tính | Tiêu chuẩn này áp dụng cho sữa biến tính (Modified milk). |
| 60 | G/SPS/N/CHN/1286 | CT | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: muối | Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ, định nghĩa, yêu cầu kỹ thuật, v.v. áp dụng cho muối. |
| 61 | G/SPS/N/CHN/1285 | CT, CLCB, BVTV | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia: Thực phẩm đóng hộp | Tiêu chuẩn này áp dụng cho thực phẩm đóng hộp, không áp dụng cho thực phẩm bổ sung đóng hộp dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về thuật ngữ, định nghĩa, nguyên liệu thô, chỉ số cảm quan, hóa lý, giới hạn ô nhiễm và vi sinh vật, phụ gia thực phẩm, chất tăng cường dinh dưỡng thực phẩm, v.v. |
| 62 | G/SPS/N/CHN/1284 | ATTP | Trung Quốc | 25/10/2023 | Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Thực phẩm dinh dưỡng đầy đủ cho bệnh nhân ung thư | Tiêu chuẩn này áp dụng cho thực phẩm dinh dưỡng đầy đủ dành cho bệnh nhân ung thư. Đề xuất định nghĩa về thực phẩm đầy đủ dinh dưỡng cho bệnh nhân ung thư, chủ yếu nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp phát hiện đối với thực phẩm đầy đủ dinh dưỡng cho bệnh nhân ung thư, đồng thời công bố nhãn, hướng dẫn và cách đóng gói. |
| 63 | G/SPS/N/NZL/749 | BVTV | Niu Di-lân | 25/10/2023 | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất tiêu chuẩn cây Actinidia để trồng | Các thông số kỹ thuật xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng và mạt thuộc diện quản lý trên các cành Actinidia bất hoạt nhập khẩu đã được sửa đổi trong Phụ lục 1: Các phương pháp xử lý bằng thuốc trừ sâu đã được phê duyệt và Phụ lục 2: Các phương pháp xử lý bằng thuốc trừ sâu đã được phê duyệt trong tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với cây Actinidia để trồng.  Tóm tắt các thay đổi như sau:  1. Đã bổ sung thêm nhiều phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng.  • Malathion (là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất Organophosphate)  • Cyantraniliprole (đây là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất mới Diamides)  • Esfenvalerate và Lambda-cyhalothrin (là hai hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất pyrethroid tổng hợp)  2. Các phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý mạt đã được sửa đổi.  • Các lựa chọn xử lý đơn lẻ giảm từ bốn xuống còn hai lựa chọn  • Các phương án xử lý kết hợp tăng từ bốn lên sáu phương án  • Loại bỏ Dicofol, Milbemectin, Bifenazate và Etoxasole như các lựa chọn xử lý hóa học đối với mạt.  3. Cách diễn đạt các yêu cầu xử lý bằng methyl bromide đối với côn trùng và mạt đã được sửa đổi để cải thiện tính rõ ràng của các thông số kỹ thuật hiện có. |
| 64 | G/SPS/N/NZL/748 | BVTV | Niu Di-lân | 25/10/2023 | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất tiêu chuẩn cây có múi để trồng. | Các thông số kỹ thuật xử lý hóa học để quản lý côn trùng và nhện thuộc diện quản lý trên cành giâm cành cây có múi nhập khẩu đã được sửa đổi theo quy định  3: Các biện pháp xử lý thuốc trừ sâu đã được phê duyệt và Phụ lục 4: Các biện pháp xử lý thuốc diệt côn trùng đã được phê duyệt đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cây có múi để trồng.  Tóm tắt các thay đổi như sau:  1. Đã bổ sung thêm nhiều phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng.  • Malathion (là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất Organophosphate)  • Cyantraniliprole (đây là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất mới Diamides)  • Esfenvalerate và Lambda-cyhalothrin (là hai hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất pyrethroid tổng hợp)  2. Các phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý mạt đã được sửa đổi.  • Các lựa chọn xử lý đơn lẻ giảm từ bốn xuống còn hai lựa chọn  • Các phương án xử lý kết hợp tăng từ bốn lên sáu phương án  • Loại bỏ Dicofol, Milbemectin, Bifenazate và Etoxasole như các lựa chọn xử lý hóa học đối với mạt  3. Cách diễn đạt các yêu cầu xử lý bằng methyl bromide đối với côn trùng và mạt đã được sửa đổi để cải thiện tính rõ ràng của các thông số kỹ thuật hiện có. |
| 65 | G/SPS/N/NZL/747 | BVTV | Niu Di-lân | 25/10/2023 | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất tiêu chuẩn 155.02.06 nhập khẩu vườn ươm. | Chủ đề 1  Các thông số kỹ thuật xử lý hóa học để quản lý côn trùng và nhện thuộc diện quản lý trên toàn bộ cây và cành giâm nhập khẩu đã được sửa đổi trong phần 2.2.1.6 Xử lý thuốc trừ sâu cho toàn bộ cây và cành giâm trong tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu 155.02.06: Nhập khẩu vườn ươm.  Tóm tắt các thay đổi như sau:  1. Đã bổ sung thêm nhiều phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng.  • Malathion (là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất Organophosphate)  • Cyantraniliprole (đây là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất mới Diamides)  • Esfenvalerate và Lambda-cyhalothrin (là hai hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất pyrethroid tổng hợp)  2. Các phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý mạt đã được sửa đổi.  • Các lựa chọn xử lý đơn lẻ giảm từ bốn xuống còn hai lựa chọn  • Các phương án xử lý kết hợp tăng từ bốn lên sáu phương án  • Loại bỏ Dicofol, Milbemectin, Bifenazate và Etoxasole như các lựa chọn xử lý hóa học đối với mạt  3. Cách diễn đạt các yêu cầu xử lý bằng methyl bromide đối với côn trùng và mạt đã được sửa đổi để cải thiện tính rõ ràng của các thông số kỹ thuật hiện có.  Chủ đề 2  Bộ cá ngành Công nghiệp Cơ bản đang tạm dừng các yêu cầu nhập khẩu đối với các loại cây trồng được liệt kê dưới đây. Những loại cây này không thể được nhập khẩu vào Niu Di-lân cho đến khi các yêu cầu nhập khẩu được xem xét lại và lệnh đình chỉ được dỡ bỏ.  • Chỉ toàn bộ cây và cành giâm Ananas comosus  • Artocarpus heterophyllus plants trong ống nghiệm  • Durio zibethinus toàn cây, giâm cành và cây trong ống nghiệm  • Garcinia mangostana nguyên cây, giâm cành và cây trong ống nghiệm  • Cây Mangifera indica nguyên cây và cây trong ống nghiệm  • Musa spp. toàn bộ cây và cây trong ống nghiệm  • Cây Nephelium lappaceum nguyên cây, cành giâm và cây trong ống nghiệm  • Cây Plinia cauliflora nguyên cây và cây trong ống nghiệm  • Giâm cành Pyrus communis  • Ribes spp. toàn bộ cây  Chủ đề 3  Bộ Công nghiệp Cơ bản đang thực hiện các biện pháp khẩn cấp đối với cây Ananas comosus trong ống nghiệm, bao gồm thử nghiệm và chứng nhận trước khi xuất khẩu hoặc thử nghiệm và kiểm tra ở khu vực kiểm dịch sau nhập cảnh Cấp 2 ở Niu Di-lân. |
| 66 | G/SPS/N/NZL/746 | BVTV | Niu Di-lân | 25/10/2023 | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất tiêu chuẩn Persea Americaana để trồng | Các thông số kỹ thuật xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng và mạt thuộc diện quản lý trên các cành giâm không lá Persea americana nhập khẩu đã được sửa đổi trong Phụ lục 3: Các biện pháp xử lý bằng thuốc trừ sâu đã được phê duyệt và Phụ lục 4: Các biện pháp xử lý bằng thuốc diệt côn trùng đã được phê duyệt trong tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu của MPI đối với cây Persea Americaana để trồng.  Tóm tắt các thay đổi như sau:  1. Đã bổ sung thêm nhiều phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng.  • Malathion (là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất Organophosphate)  • Cyantraniliprole (đây là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất mới Diamides)  • Esfenvalerate và Lambda-cyhalothrin (là hai hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất pyrethroid tổng hợp)  2. Các phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý mạt đã được sửa đổi.  • Các lựa chọn xử lý đơn lẻ giảm từ bốn xuống còn hai lựa chọn  • Các phương án xử lý kết hợp tăng từ bốn lên sáu phương án  • Loại bỏ Dicofol, Milbemectin, Bifenazate và Etoxasole như các lựa chọn xử lý hóa học đối với mạt  3. Cách diễn đạt các yêu cầu xử lý bằng methyl bromide đối với côn trùng và mạt đã được sửa đổi để cải thiện tính rõ ràng của các thông số kỹ thuật hiện có. |
| 67 | G/SPS/N/NZL/745 | BVTV | Niu Di-lân | 25/10/2023 | Bộ các ngành Công nghiệp cơ bản đề xuất tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cây Prunus để trồng. | Các thông số kỹ thuật xử lý hóa học để quản lý côn trùng và mạt thuộc diện quản lý trên cành giâm cành Prunus nhập khẩu đã được sửa đổi trong Phụ lục 3: Các biện pháp xử lý bằng thuốc trừ sâu đã được phê duyệt và Phụ lục 4: Các biện pháp xử lý bằng thuốc diệt côn trùng đã được phê duyệt trong tiêu chuẩn y tế nhập khẩu của MPI đối với cây Prunus để trồng.  Tóm tắt các thay đổi như sau:  1. Đã bổ sung thêm nhiều phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý côn trùng.  • Malathion (là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất Organophosphate)  • Cyantraniliprole (đây là hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất mới Diamides)  • Esfenvalerate và Lambda-cyhalothrin (là hai hóa chất mới thuộc nhóm hóa chất pyrethroid tổng hợp)  2. Các phương án xử lý bằng hóa chất để quản lý mạt đã được sửa đổi.  • Các lựa chọn xử lý đơn lẻ giảm từ bốn xuống còn hai lựa chọn  • Các phương án xử lý kết hợp tăng từ bốn lên sáu phương án  • Loại bỏ Dicofol, Milbemectin, Bifenazate và Etoxasole như các lựa chọn xử lý hóa học đối với mạt  3. Cách diễn đạt các yêu cầu xử lý bằng methyl bromide đối với côn trùng và mạt đã được sửa đổi để cải thiện tính rõ ràng của các thông số kỹ thuật hiện có. |
| 68 | G/SPS/N/USA/3428 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 24/10/2023 | Kiến nghị thu hồi dung sai đối với thuốc trừ sâu dicofol | Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ lấy ý kiến của công chúng về kiến nghị yêu cầu thu hồi tất cả dung sai của thuốc trừ sâu dicofol. |
| 69 | G/SPS/N/UGA/286 | CLCB | Uganda | 24/10/2023 | DUS DARS 1110-2:2023, Cá mòi nhỏ khô và cá mòi biển khơi ‘sardinetype pelagic fish’- Phần 2: Cá cơm khô, Ấn bản đầu tiên | Tiêu chuẩn này phải áp dụng cho tất cả các loài cá cơm thuộc họ Engraulidae đã được luộc trong nước muối và sấy khô. Sản phẩm này được dùng để ăn sau khi đã nấu và để chế biến tiếp. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm đã qua xử lý nhiệt trước khi sấy khô. Sản phẩm phải được chế biến từ cá nguyên con hoặc cá tươi hoặc đông lạnh thuộc họ Engraulidae với một số loài được liệt kê nhưng không giới hạn trong Phụ lục A. |
| 70 | G/SPS/N/UGA/285 | CLCB | Uganda | 24/10/2023 | DUS DARS 1110-3:2023, Cá mòi nhỏ khô và cá mòi biển khơi ‘sardinetype pelagic fish’ - Phần 3: Cá cơm khô luộc trong nước muối, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này sẽ áp dụng cho tất cả các loài cá cơm thuộc họ Engraulidae đã được luộc trong nước muối và sấy khô. Sản phẩm này được dùng để ăn sau khi đã nấu và để chế biến tiếp. Tiêu chuẩn này không bao gồm các sản phẩm đã qua xử lý nhiệt trước khi sấy khô; Nó cũng không bao gồm các sản phẩm đã trải qua quá trình enzyme trong nước muối. Sản phẩm phải được chế biến từ cá nguyên con hoặc cá tươi hoặc đông lạnh thuộc họ Engraulidae với một số loài được liệt kê nhưng không giới hạn trong Phụ lục A. |
| 71 | G/SPS/N/UGA/284 | CLCB | Uganda | 24/10/2023 | DUS DARS 1115:2023, Xử lý và chế biến tôm - Quy tắc thực hành, Ấn bản lần thứ nhất | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các hướng dẫn về xử lý và chế biến tôm hoặc tôm panđan dành cho người tiêu dùng. |
| 72 | G/SPS/N/UGA/283 | CLCB | Uganda | 24/10/2023 | DUS DARS 1116:2023, Tôm hoặc tôm đông lạnh nhanh - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu về chất lượng và an toàn, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với tôm và đông lạnh nhanh hoặc tôm panđan dành cho người tiêu dùng. |
| 73 | G/SPS/N/TUR/119 /Add.3/Corr.1 | BVTV | Turkey | 24/10/2023 | Các biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp đối với việc nhập khẩu hạt cà chua, hạt tiêu và bí | Mục đích sửa lỗi này nhằm diễn đạt nhầm lẫn cho "cucurbita pepo" trong thông báo SPS G/SPS/N/TUR/119/Add.3 ngày 13 tháng 10 năm 2023. Ghi sai "pumpkin" trong tiếng Anh; được sửa thành "squash" |
| 74 | G/SPS/N/EU/685 | CN, TY | Linh minh châu Âu | 24/10/2023 | Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1712 ngày 7 tháng 9 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép Sunset Yellow FCF làm phụ gia thức ăn cho mèo, chó, cá cảnh, chim cảnh và các loài gặm nhấm nhỏ | Chất được quy định trong Đạo luật đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong nhóm chất tạo màu. Đơn đăng ký đã được nộp để cấp phép lại chất này theo điều 10 của Quy định (EC) số 1831/2003. Ngoài đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, chất này được cấp phép lại làm phụ gia thức ăn cho mèo, chó, cá cảnh, chim cảnh và động vật gặm nhấm nhỏ, trong một số điều kiện nhất định. Bao gồm một giai đoạn chuyển tiếp cho phép để đáp ứng các yêu cầu của giấy phép mới |
| 75 | G/SPS/N/UGA/282 | CLCB | Uganda | 23/10/2023 | DUS DARS 1117:2023, Cá hun khói, cá tẩm hương khói và cá khô hun khói - Đặc tính kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên | DUS DARS 1117:2023, Cá hun khói, cá hương vị khói và cá khô hun khói - Đặc tính kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên |
| 76 | G/SPS/N/UGA/281 | CLCB | Uganda | 23/10/2023 | DUS DARS 1120-1:2023, động vật thủy sản tươi và đông lạnh – Phần 1: Cá nguyên con - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Tiêu chuẩn Châu Phi này áp dụng cho cá tươi nguyên con và cá bỏ ruột, đông lạnh được đóng gói, ngoại trừ những loài nêu trong Phần 2 của tiêu chuẩn này hoặc bất kỳ tiêu chuẩn sản phẩm tươi hoặc đông lạnh cụ thể nào khác đáp ứng yêu cầu chung. |
| 77 | G/SPS/N/CAN/1536 | ATTP, BVTV | Canada | 23/10/2023 | Đề xuất mức dư lượng giới hạn tối đa: Carfentrazone-ethyl (PMRL2023-45) | Tài liệu PMRL2023-45 dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với carfentrazone-ethyl được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến | | 0,1 | Hạt mù tạt (loại gia vị) |   1ppm = phần triệu |

**2. Danh sách duy định về SPS đã được ban hành/thông qua**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/BDI/20 /Add.1  G/SPS/N/KEN/172 /Add.1  G/SPS/N/RWA/13 /Add.1 G/SPS/N/TZA/204 /Add.1  G/SPS/N/UGA/214 /Add.1 | BVTV | Cac quốc gia Đông Phi | 20/11/2023 | DEAS 753: 2021, Khoai tây giống - Yêu cầu chứng nhận, phiên bản đầu tiên | Burundi, Kenya, Rwanda, Tanzania và Uganda thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi; DEAS 753: 2021, Khoai tây giống - Yêu cầu chứng nhận, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/BDI/20, G/SPS/N/KEN/172, G/SPS/N/RWA/13, G/SPS /N/TZA/204 và G/SPS/N/UGA/214 đã được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua vào ngày 25 tháng 8 năm 2023 dưới dạng EAS 753:2023, Khoai tây giống - Yêu cầu chứng nhận, phiên bản đầu tiên. |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1527 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 16/11/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Tolfenpyrad | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho tolfenpyrad được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1527 (ngày 21 tháng 8 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 13 tháng 11 năm 2023. MRL đề xuất đã được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | **MRL (ppm)1** | **Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến** | | 40 | Loại rau lá cải Brassica (phân nhóm cây trồng 4-13B)2 | | 30 | Dầu cam quýt3; rau diếp đắng, cây râu mèo, rau dền Trung Quốc, cúc vạn thọ tây, lá ngò tươi, lá thì là tươi, lá rau đay v.v… | | 10 | Hành lá (nhóm cây 3-07B) | | 1.5 | Rau có quả (ớt chuông, bí, dưa chuột…) (nhóm cây 8-09) | | 1.0 | Quả lựu (nhóm cây 11-09, trừ táo) | | 0.8 | Quả có múi (nhóm cây 10) (sửa đổi)4 | | 0.7 | Hạt bông (phân nhóm cây trồng 20C) (đã sửa đổi)5 | | 0.09 | Củ hành (phân nhóm cây trồng 3-07A) | | 0.01 | Rau có củ và thân củ (phân nhóm cây trồng 1C)6 |   1 ppm = phần triệu  2PMRL này thay thế MRL hiện hành là 30 ppm đối với rau cải cúc, cải xoong.  3 PMRL này thay thế MRL hiện hành là 70 ppm đối với dầu cam quýt  4 PMRL này thay thế MRL hiện hành là 1,5 ppm đối với trái cây họ cam quýt  5PMRL này thay thế MRL được thiết lập hiện tại là 0.7 ppm đối với hạt bông không bị xơ bằng một MRL duy nhất trên phân nhóm cây trồng 20C (đã sửa đổi). MRL này được áp dụng cho tất cả các mặt hàng trong phân nhóm cây trồng 20C (đã sửa đổi).  6 PMRL này thay thế MRL hiện hành là 0.01 ppm đối với khoai tây bằng một MRL duy nhất trên phân nhóm cây trồng 1C. MRL này được áp dụng cho tất cả các mặt hàng trong phân nhóm cây trồng 1C |
| 3 | G/SPS/N/NZL/744/ Add.1 | CN, TY | Niu Di-lân | 14/11/2023 | Thức ăn cho vật nuôi có chứa sản phẩm động vật có thời hạn sử dụng | Ngày thông qua quy định: ngày 8 tháng 11 năm 2023  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_13434\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định |
| 4 | G/SPS/N/TPKM/617 /Add.1 | BVTV, ATTP, TY, | Đài Loan | 10/11/2023 | Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật | Đài Loan đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm" và "Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật" vào ngày 24 tháng 7 năm 2023 (G/SPS/N/TPKM/617). Những sửa đổi cuối cùng có hiệu lực vào ngày 10 tháng 11 năm 2023 |
| 5 | G/SPS/N/MEX/356 /Add.1 | ATTP, TY | Mê-hi-cô | 09/11/2023 | Trả lời các nhận xét và thay đổi đối với dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn chính thức Mê-hi-cô NOM-012-ZOO-1993, Thông số kỹ thuật về quy định các sản phẩm hóa chất, dược phẩm, sinh học và thực phẩm dùng cho động vật hoặc tiêu dùng, được xuất bản vào ngày 26 tháng 6 năm 2018 | Vui lòng lưu ý về việc xuất bản trên Tạp chí Chính thức của Mê-hi-cô, vào ngày 9 tháng 10 năm 2023, về các câu trả lời cho các nhận xét và những thay đổi được thực hiện đối với dự thảo sửa đổi đối với Tiêu chuẩn Chính thức của Mê-hi-cô NOM-012-ZOO-1993, Thông số kỹ thuật về quy định về hóa chất, dược phẩm, sinh học và thực phẩm dùng cho động vật hoặc tiêu dùng, xuất bản ngày 26 tháng 6 năm 2018. |
| 6 | G/SPS/N/CAN/1513 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 08/11/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Chloropicrin | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất đối với chloropicrin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1513 (ngày 21 tháng 6 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 3 tháng 11 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng Tối đa và được được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0.025 | Thân, thân và cuống lá (nhóm cây trồng 22)2 |   1ppm = phần triệu  2MRL thay thế các MRL trước đó là 0,025 ppm trong/trên măng tây, bạch đậu khấu, cần tây, cần tây Trung Quốc, lá và thân cây tiêu hồi (Florence fennel) tươi, su hào và đại hoàng, nhóm cây trồng 22. |
| 7 | G/SPS/N/CAN/1526 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Canada | 07/11/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Diflufenican | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (PMRL) cho diflufenican được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1526 (ngày 07 tháng 8 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 01 tháng 11 năm 2023. MRL đề xuất đã được thiết lập thông qua việc nhập vào cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0.01 | Đậu nành khô, trứng; mỡ, thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của gia súc, dê, lợn, ngựa, gia cầm, cừu; sữa |   1ppm = phần triệu |
| 8 | G/SPS/N/CAN/1502 /Add.1 | ATTP | Canada | 07/11/2023 | Thông báo về Sửa đổi Danh sách các thành phần bổ sung được phép sử dụng để cho phép sử dụng L-alphaglycerylphosphorylcholine trong thực phẩm bổ sung | Tổng cục Thực phẩm Bộ Y tế Canada đã đánh giá L-alpha-glycerylphosphorylcholine (còn gọi là alpha GPC hoặc choline alfoscerate) để sử dụng trong thực phẩm bổ sung. Thành phần này trước đây đã được Tổng cục thực phẩm xác định để đánh giá thêm vì nó là thành phần có trong (các) sản phẩm đủ điều kiện để chuyển sang khuôn khổ quản lý thực phẩm, từ khuôn khổ các sản phẩm sức khỏe tự nhiên, theo giấy phép tiếp thị tạm thời.  Tổng cục thực phẩm kết luận rằng thông tin liên quan đến sự an toàn của L-alphaglycerylphosphorylcholine hỗ trợ việc sử dụng an toàn nó trong thực phẩm bổ sung như một nguồn choline bổ sung với điều kiện mức độ sử dụng không vượt quá mức tối đa đã thiết lập trước đó đối với choline và một số yêu cầu ghi nhãn khác. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng L-alpha-glycerylphosphorylcholine được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các thành phần bổ sung được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2023. |
| 9 | G/SPS/N/CAN/1464 /Add.1 | ATTP | Canada | 07/11/2023 | Tổng cục thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn về iốt để sử dụng trong thực phẩm bổ sung. | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã kết luận rằng thông tin liên quan đến sự an toàn của iốt hỗ trợ việc sử dụng iốt trong thực phẩm bổ sung với điều kiện lượng ghi trên nhãn không vượt quá 76 µg trên mỗi khẩu phần quy định đối với nước tăng lực có chứa caffein và 189 µg trên mỗi khẩu phần quy định đối với thực phẩm bổ sung khác nước tăng lực chứa caffein than và tất cả các yêu cầu ghi nhãn khác đều được đáp ứng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng iốt được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các thành phần bổ sung được phép, có hiệu lực từ ngày 8 tháng 9 năm 2023. |
| 10 | G/SPS/N/BRA/2032 /Add.2 | BVTV | Bra-xin | 07/11/2023 | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây dã yên thảo (*Petunia* Spp.), từ bất kỳ nguồn gốc nào | Sắc lệnh SDA/MAPA số 907, ngày 24 tháng 10 năm 2023. Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống cây dã yên thảo (*Petunia* Spp.), từ bất kỳ nguồn gốc nào. |
| 11 | G/SPS/N/BRA/2021 /Add.1 | CLCB, TY | Bra-xin | 02/11/2023 | Chương trình quốc gia về nhuyễn thể hai mảnh vỏ an toàn - MoluBiS | Pháp lệnh SDA/MAPA số 884 ngày 6 tháng 9 năm 2023 phê duyệt Chương trình nhuyễn thể hai mảnh vỏ an toàn quốc gia - MoluBiS - thiết lập các biện pháp kiểm soát vệ sinh-vệ sinh đối với nhuyễn thể hai mảnh vỏ dùng làm thực phẩm cho người hoặc động vật cũng như việc theo dõi và giám sát.  - Ngày dự kiến thông qua (ngày/tháng/năm): 01/04/2024  - Ngày công bố dự kiến (ngày/tháng/năm): 15/09/2023  - Ngày dự kiến có hiệu lực (ngày/tháng/năm): 01/04/2024  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/BRA/23\_13273\_00\_x.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định |
| 12 | G/SPS/N/SLV/129 /Add.1 | TY | El Salvador | 27/10/2023 | Quy chuẩn kỹ thuật của Salvador (RTS) 65.04.01:23: "chuẩn bị lò mổ. giết mổ động vật đưa ra thị trường. Yêu cầu vệ sinh’’ | Vào ngày 1 tháng 10 năm 2018, Chính phủ El Salvador đã thông báo dự thảo Quy định kỹ thuật của Salvador (RTS) số 65.04.01:17: "Chuẩn bị lò mổ, giết mổ động vật bán ra thị trường. Yêu cầu vệ sinh" trong tài liệu G/SPS/N/SLV /129. Mục tiêu của Quy chuẩn kỹ thuật được thông báo là thiết lập các yêu cầu vệ sinh mà các lò mổ tham gia giết mổ, sơ chế và lọc xương động vật để bán ra thị trường cũng như bảo quản và vận chuyển các sản phẩm thu được phải đáp ứng. Các lò mổ phải đáp ứng các yêu cầu này để có được giấy phép hoạt động. Quy chuẩn kỹ thuật của Salvador này áp dụng cho bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân, chủ sở hữu hoặc nhà điều hành nào, dù là nhà nước, tư nhân hay bán công, tham gia vào hoạt động giết mổ và sơ chế gia súc, dê, ngựa, cừu và các động vật khác đưa ra thị trường được ủy quyền bởi cơ quan quản lý. cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  Mục đích của Phụ lục này là để thông báo cho các Thành viên WTO rằng Quy định Kỹ thuật Salvador này đã được cập nhật. |
| 13 | G/SPS/N/NZL/723 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 26/10/2023 | Vườn ươm IHS bản sửa đổi được thông báo trong thông báo của WTO G/SPS/N/NZL/723 - Ngày có hiệu lực quy định | Đề xuất ngày có hiệu lực đã thay đổi từ ngày 3 tháng 8 năm 2023 thành ngày 16 tháng 10 năm 2023 và các yêu cầu hiện đã được áp dụng. |
| 14 | G/SPS/N/BRA/2195 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 23/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1175, ngày 6 tháng 7 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1175, ngày 6 tháng 7 năm 2023 - được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2195 - đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 259, ngày 16 tháng 10 năm 2023. Quy định cập nhật các chuyên khảo hoạt chất B63: Bacillus aryabhattai vào danh sách chuyên khảo của thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 15 | G/SPS/N/BRA/2182 /Add.1 | ATTO, BVTV | Bra-xin | 23/10/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1170, ngày 22 tháng 6 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1170, ngày 22 tháng 6 năm 2023 - được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2182 - đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm IN 260, ngày 17 tháng 10 năm 2023. Quy định cập nhật các chuyên khảo hoạt chất M54 - mandestrobin vào danh sách chuyên khảo của thành phần hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy phạm 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |